

và Mục lục Ngân sách nhà nước gây thiệt hại cho ngân sách.

9. Tổ chức, cá nhân được phép tự kê khai, tự nộp thuế mà kê khai sai, nộp sai chế độ quy định gây thiệt hại cho ngân sách.

10. Quản lý hóa đơn, chứng từ sai chế độ; mua bán, sửa chữa, làm giả hóa đơn và chứng từ thanh toán; sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp;

11. Trì hoãn việc chi ngân sách khi đã bảo đảm có đủ các điều kiện chi quy định tại Điều 51 của Nghị định này; quyết toán ngân sách chậm so với thời hạn quy định.

12. Các hành vi trái với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định này và những văn bản quy phạm pháp luật khác trong lĩnh vực ngân sách.

Điều 83. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách theo quy định tại Điều 82 Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho công quỹ thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách. Việc khiếu nại, khởi kiện, tố cáo và việc giải quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Nghị định này có hiệu lực từ năm ngân sách 2004. Bãi bỏ Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước và Nghị định số

51/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ.

Những quy định trước đây của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trái với nội dung Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 86. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 63/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa - Thông tin.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05 tháng 8 năm 2002 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ nhất quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Văn hóa - Thông tin là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin bao gồm: di sản văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, báo chí, xuất bản, quyền tác giả đối với tác phẩm văn học - nghệ thuật, thư viện, quảng cáo, văn hóa quần chúng, thông tin cổ động; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ;

3. Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt và các văn bản pháp luật khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

5. Về di sản văn hóa:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định:

- Quy hoạch mạng lưới bảo tàng; tổ chức và hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

- Thành lập bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành;

- Xếp hạng hoặc hủy bỏ quyết định xếp hạng khu vực bảo vệ đối với di tích quốc gia đặc biệt;

- Đề nghị Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận Di sản văn hóa tiêu biểu của Việt Nam là Di sản văn hóa thế giới;

- Cho phép đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

b) Quyết định theo thẩm quyền:

- Ban hành quy chế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, thăm dò và khai quật khảo cổ; tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân;

- Quy định thủ tục lập hồ sơ khoa học về di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

- Xếp hạng hoặc hủy bỏ quyết định xếp hạng di tích quốc gia, bảo tàng hạng I; giao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cho bảo tàng nhà nước có chức năng thích hợp;

- Phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật; phê duyệt hoặc thỏa thuận việc xây dựng các công trình ở khu vực bảo vệ II đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt;

- Thẩm định dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, dự án cải tạo xây dựng các công trình nằm ngoài các khu bảo vệ di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt xét thấy có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích theo quy định của pháp luật;

- Cấp phép thăm dò khai quật khảo cổ; đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài; làm bản sao di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia thuộc các bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành; quản lý việc cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam;

c) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

6. Về nghệ thuật biểu diễn:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch đơn vị sự nghiệp của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức và hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Ban hành quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp; quy chế tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn về nghệ thuật biểu diễn;

c) Hướng dẫn và kiểm tra việc cấp phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

d) Quy định việc thẩm định, cấp phép chương trình, tiết mục, vở diễn của các tổ chức, cá nhân Việt Nam đi biểu diễn ở nước ngoài và của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn;

đ) Thống nhất quản lý việc sản xuất, phát hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu.

7. Về điện ảnh:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch đơn vị sự nghiệp của Nhà nước về điện ảnh; tổ chức và hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Quy định điều kiện thành lập cơ sở điện ảnh; dịch vụ và hợp tác làm phim với nước ngoài;

c) Quy định việc cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu và phổ biến phim;

d) Quy định việc tổ chức liên hoan phim quốc gia và quốc tế, những ngày phim nước ngoài tại Việt Nam và những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài;

đ) Quản lý phim lưu chiếu sản xuất trong nước và lưu trữ các tư liệu, hình ảnh động sản xuất ở trong nước và nước ngoài.

8. Về mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm:

a) Ban hành quy chế hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm;

b) Lập quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng quốc gia;

c) Quy định việc tổ chức và trực tiếp tổ chức trưng bày, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh quy mô quốc gia, quốc tế.

9. Về báo chí:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới báo chí trong cả nước, văn phòng đại diện cơ quan thường trú ở nước ngoài của các cơ quan báo chí Việt Nam;

b) Quản lý nhà nước về hoạt động báo chí trong cả nước bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, thông tấn;

c) Tổ chức thông tin cho báo chí, quản lý thông tin của báo chí theo quy định của Luật Báo chí;

d) Ban hành quy chế tổ chức hội thi về báo chí;

đ) Kiểm tra báo lưu chiếu, quản lý kho lưu chiếu báo chí quốc gia;

e) Cấp và thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; giấy phép xuất bản đặc san, số phụ, phụ trương, chương trình đặc biệt, chương trình phụ; thẻ nhà

báo; cấp phép cho báo chí xuất bản ở nước ngoài phát hành tại Việt Nam;

g) Quản lý hoạt động của báo chí và nhà báo trong cả nước, phối hợp với các cơ quan hữu quan quản lý hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

h) Thỏa thuận bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc các cơ quan báo chí.

10. Về xuất bản:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới xuất bản, in, phát hành sách; tổ chức và hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Quy định điều kiện thành lập và kinh doanh về xuất bản, in, phát hành sách theo quy định của pháp luật;

c) Cấp và thu hồi giấy phép hoạt động xuất bản, hoạt động in theo quy định của pháp luật;

d) Cấp phép xuất bản xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh cho các tổ chức Việt Nam và tổ chức nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; quản lý việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo thẩm quyền;

đ) Quy định việc đăng ký và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch xuất bản của các nhà xuất bản;

e) Quản lý xuất bản phẩm lưu chiếu và thẩm định xuất bản phẩm khi cần thiết;

g) Quyết định đình chỉ, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành và tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm pháp luật;

h) Thỏa thuận bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc, Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập nhà xuất bản.

11. Về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật:

a) Trình Chính phủ quy định chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm văn học, nghệ thuật và hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật;

c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật;

d) Quy định việc cung cấp, hợp tác, đặt hàng, sử dụng và bảo đảm quyền tác giả đối với tác phẩm nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh phát trên truyền hình, phát thanh, mạng Internet;

đ) Hướng dẫn nghiệp vụ bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật cho các ngành, địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và công dân.

12. Về thư viện:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới thư viện; tổ chức và hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Quy định việc hợp tác, trao đổi sách, báo, tài liệu với nước ngoài và việc liên thông sách, báo, tài liệu giữa các thư viện;

c) Quy định điều kiện thành lập và hướng dẫn hoạt động thư viện.

13. Về quảng cáo:

a) Trình Chính phủ quy định việc thành lập và hoạt động của chi nhánh quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam;

b) Quản lý hoạt động quảng cáo theo quy định của pháp luật.

14. Về văn hóa quần chúng, thông tin cổ động:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Chính phủ quy định nghi thức nhà nước theo phân công của Chính phủ;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ quy định về thiết chế văn hóa, thông tin; tổ chức và hướng dẫn thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Ban hành quy chế tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, thông tin cổ động, tổ chức hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng;

d) Ban hành quy chế, hướng dẫn và chỉ đạo phong trào xây dựng đời sống văn hóa, hoạt động thông tin, tuyên truyền cổ động và việc tổ chức lễ hội.

15. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công tác thông tin đối ngoại;

16. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải thưởng và danh hiệu vinh dự Nhà nước về văn hóa, thông tin;

Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc thành lập theo thẩm quyền các Hội đồng quốc gia về lĩnh vực văn hóa, thông tin;

17. Quy định điều kiện thành lập cơ sở sản xuất, phát hành băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình; điều kiện cho tổ chức và cá nhân trong nước liên doanh, liên kết, hợp tác, dịch vụ với nước ngoài về di sản văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, báo chí, xuất bản; việc tài trợ, đặt hàng có sử dụng ngân sách nhà nước đối với nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, báo chí, xuất bản, quảng cáo;

18. Cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin ở Việt Nam; cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm, thiết bị ngành in theo quy định của pháp luật;

19. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn mê tín, hủ tục, văn hóa phẩm đồi trụy và các hoạt động văn hóa, thông tin vi phạm pháp luật;

Trực tiếp tổ chức một số hoạt động văn hóa, thông tin quốc gia, quốc tế quan trọng;

20. Thẩm định và kiểm tra việc thực hiện các chương trình quốc gia, dự án đầu tư thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin theo quy định của pháp luật;

21. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, thông tin theo quy định của pháp luật;

22. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, thông tin;

23. Quyết định các chủ trương, biện pháp cụ thể và chỉ đạo việc thực hiện cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ;

24. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật;

25. Quản lý nhà nước đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực văn hóa, thông tin theo quy định của pháp luật;

26. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật về văn hóa, thông tin thuộc thẩm quyền của Bộ;

27. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Bộ theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

28. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với

cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các tài năng văn hóa, nghệ thuật, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân kỹ thuật trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ chức danh công chức, viên chức, tiêu chuẩn, cấp bậc kỹ thuật, nghiệp vụ về văn hóa, thông tin;

29. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Bộ

a) Các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

1. Vụ Mỹ thuật và nhiếp ảnh;
2. Vụ thư viện;
3. Vụ Văn hóa dân tộc;
4. Vụ Đào tạo;
5. Vụ Kế hoạch - tài chính;
6. Vụ Hợp tác quốc tế;
7. Vụ Pháp chế;
8. Vụ Tổ chức cán bộ;
9. Thanh tra;
10. Văn phòng;
11. Cục Di sản văn hóa;
12. Cục Nghệ thuật biểu diễn;
13. Cục Điện ảnh;
14. Cục Báo chí;
15. Cục Xuất bản;
16. Cục Bản quyền tác giả văn học - nghệ thuật;
17. Cục Văn hóa - thông tin cơ sở.

b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ:

1. Viện Văn hóa - thông tin;

2. Viện Phim Việt Nam;
3. Viện Bảo tồn di tích;
4. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội;
5. Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội;
6. Nhạc viện Hà Nội;
7. Trường Đại học Sân khấu - điện ảnh Hà Nội;
8. Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh;
9. Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh;
10. Bảo tàng Hồ Chí Minh;
11. Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch;
12. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam;
13. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam;
14. Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam;
15. Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam;
16. Thư viện Quốc gia Việt Nam;
17. Ban Quản lý Làng Văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam;
18. Khu Sáng tác;
19. Trung tâm Triển lãm văn hóa - nghệ thuật Việt Nam;
20. Trung tâm Tin học;
21. Tạp chí Văn hóa - nghệ thuật;
22. Báo Văn hóa.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ xây dựng phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp khác hiện có thuộc Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Nghị

định số 81/CP ngày 08 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa - Thông tin và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 115/2003/QĐ-TTg ngày 10/6/2003 về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang giai đoạn 2003 - 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh, sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang giai đoạn 2003 - 2005 như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc theo đúng nội dung và tiến độ đã được duyệt.

Điều 3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trong việc thực hiện Phương án này.

Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện Phương án này, đồng thời kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * 096-399-3333
LawSoft